

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG ANH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 394/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 08-08-2023.

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn  
và nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Lân.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1, Bà Ngô Thị Yêm.  
2, Ông Lê Đăng Đào.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Lê Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 304/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 06 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Xuân V, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1981; Nơi thường trú: Thôn M, xã Đ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện ly hôn ghi ngày 08 tháng 03 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn trong vụ án là ông Bùi Xuân V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Đỗ Thị H xây dựng gia đình với nhau năm 2005, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Đ. Sau khi cưới, ông và bà H chung sống với nhau tại quê ông là thôn M, xã Đ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, do ông và bà H tìm hiểu nhau không kỹ nên do tính tình không hợp, ngay sau khi chung sống được một thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng. Bà H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ bà ở, sống ly thân với ông từ năm 2011 đến nay. Ông xác định tình cảm vợ chồng hiện nay không còn gì và xin được ly hôn bà H để sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Xuân Đ, sinh ngày 29/10/2005, hiện nay cháu khỏe mạnh bình thường và do ông trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng vì cháu Đ cũng sắp đến tuổi thành niên.

- Về tài sản chung: Vợ chồng ông và bà H mới chung sống với nhau một thời gian ngắn đã ly thân nên không có tài sản gì chung, ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 07 năm 2023, bị đơn trong vụ án là bà Đỗ Thị H trình bày thống nhất với ông V về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của vợ chồng hiện nay. Bà khai thêm: Trước khi đăng ký kết hôn, bà và ông V đã chung sống với nhau từ năm 1998, khi đó ông V đã ly hôn với vợ trước và nuôi 01 con riêng là Bùi Xuân Th, sinh năm 1994. Chuẩn bị đến ngày sinh con thì bà và ông V mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Do không hợp nhau về tính cách nên trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra xung khắc, mâu thuẫn. Năm 2011, bà phải mang con chung của vợ chồng là cháu Bùi Xuân Đ về nhà bố mẹ đẻ bà ở. Năm 2013, ông V xuống đón con về chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 2013 đến nay. Bà xác định hôn nhân của bà và ông V không hạnh phúc, hai bên không còn tình cảm với nhau, việc ông V xin ly hôn bà cũng đồng ý mà không gây khó khăn gì.

- Về con chung: Bà đồng ý để ông V tiếp tục nuôi cháu Bùi Xuân Đ vì cháu đang có cuộc sống ổn định và sắp đến tuổi thành niên. Hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau về việc cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà và ông V tự thỏa thuận giải quyết với nhau về tài sản nên bà không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Bùi Xuân V vẫn giữ nguyên lời khai và quan điểm của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện hoàn toàn đầy đủ, đúng với các qui định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

- Nguyên đơn trong vụ án là ông Bùi Xuân V chấp hành đầy đủ các thông báo và quyết định tố tụng của Tòa án, qui định của pháp luật; Bị đơn trong vụ án là bà Đỗ Thị H không tham gia phiên họp, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đã có lời khai xin vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều: 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Các Điều 28 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử:

- Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Xuân V và bà Đỗ Thị H.

- Về con chung: Ghi nhận thỏa thuận của ông V và bà H để ông V tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên không phải giải quyết.

- Về án phí: Ông V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:**

- Nguyên đơn là ông Bùi Xuân V khởi kiện xin ly hôn bà Đỗ Thị H và xác định bà Huế đăng ký nơi thường trú tại địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Căn cứ vào Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Song thực tế bà H hiện đang tạm ở tại nhà bố mẹ đẻ bà là thôn: Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, tuy nhiên bà H đã có lời khai đồng ý ly hôn với ông V mà không gây khó khăn gì.

- Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn trong vụ án là bà Đỗ Thị H vắng mặt tại phiên hoà giải và phiên toà nhưng đã có lời khai xin vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 288, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử vẫn quyết định đưa vụ án ra xét xử và giành quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

**[2]. Về nội dung:**

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Xuân V và bà Đỗ Thị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 25 tháng 10 năm 2005 (Số đăng ký: 55/2005), hôn nhân đó là hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống ở tại nhà đất của gia đình ông V có từ trước thuộc thôn M, xã Đ.

Sau khi chung sống được một thời gian ngắn, do ông V và bà H không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống nên hôn nhân của vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra ngày càng căng thẳng, không tự giải quyết được và sống ly thân nhau từ năm 2011 đến nay và ông bà cùng thuận tình ly hôn nhau. Theo nhận xét của đại diện gia đình bà H và chính quyền, đoàn thể ở địa phương thì ông V, bà H sống với nhau không hạnh phúc và đã ly thân nhiều năm nay. Xét sự thuận tình ly hôn của ông V, bà H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được ghi nhận.

[2.2]. Về con chung: Ông Bùi Xuân V và bà Đỗ Thị H có 01 con chung là Bùi Xuân Đ, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2005, cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với ông V. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận để ông V tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và tự thỏa thuận giải quyết về cấp dưỡng nuôi con theo nguyện vọng của cháu Đ. Xét thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều: 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được ghi nhận.

[2.3]. Về tài sản chung: Ông Bùi Xuân V và bà Đỗ Thị H cùng có lời khai xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Tòa án không xét.

**[3]. Về án phí:** Ông Bùi Xuân V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

**[4]. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**[5].** Quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

*Vì những lẽ trên*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ:**

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 220, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

**Xử:**

**1,** Chi nhận thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Xuân V và bà Đỗ Thị H.

**2,** Về con chung: Ông Bùi Xuân V và bà Đỗ Thị H có 01 con chung là Bùi Xuân Đ, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2005. Ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên để ông V tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; Hai bên tự giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung đến khi con thành niên hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Bà Đỗ Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

**3,** Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

**4,** Về án phí: Ông Bùi Xuân V phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông V đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006971 ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, nay được chuyển thành tiền án phí nộp vào ngân sách Nhà nước.

**5,** Về quyền kháng cáo: Ông Bùi Xuân V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đỗ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- UBND. xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Ngọc Lân**





